

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HÓA

- *Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Công Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Trung Thành; 2. Ông Phạm Đức Hoàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:* Bà Đinh Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên. *Đại diện VKSN khu vực 10 – Thanh Hóa:* Bà Lê Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2026/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn H; Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; Căn cước công dân số: 038094017599 sinh ngày: 15/5/1994, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú và nơi ở: Thôn X, xã N, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; họ tên bố: Lê Hùng X, đã mất; họ tên mẹ: Phạm Thị M, sinh năm 1957; gia đình có 05 anh em, bị can là con út; vợ: Tòng Thị T1, sinh năm 1995, bị can có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Nguyên đơn dân sự: Phạm Văn H1 – sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: Chị Tòng Thị T1 - Sinh năm: 1995 (Có mặt)

Trú tại: Thôn X, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được xác định như sau:

Ngày 30/8/2025, Lê Văn H cùng vợ là Tòng Thị T1 đến thôn H, xã N, tỉnh Thanh Hóa để sửa xe. Trong lúc chờ sửa xe, vợ chồng H sang nhà anh Phạm Văn T2 (sinh năm 1988, trú tại thôn H, xã N, tỉnh Thanh Hóa) ăn cơm. Tại đây, H gọi điện thoại rủ anh Phạm Văn H1 (sinh năm 1996, trú tại thôn L, xã N, tỉnh Thanh

Hóa) đến nhà anh T2 uống rượu cùng. Do muốn hòa giải mâu thuẫn từ trước nên anh Hiệp đồng Ý.

Trong quá trình ăn uống tại nhà anh T2, giữa H và anh H1 xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhưng được vợ chồng anh T2 can ngăn. Sau khi ăn uống xong, vợ chồng H, anh T2 và anh H1 ra quán bia gần nhà anh T2 để uống bia, đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì quay về nhà anh T2. Trong lúc uống nước, anh H1 nhắc lại chuyện cũ nên giữa H và H1 tiếp tục xảy ra xích mích. Anh T2 khuyên giải nhưng hai bên vẫn cãi nhau.

Khi anh T2 đi vào trong nhà để đi vệ sinh, anh H1 cầm chiếc điều cày để tại vị trí ngồi uống nước đập một cái hướng vào vùng đầu của H, nhưng H kịp thời nghiêng người tránh nên chỉ bị trúng vào bả vai phải, bị choáng và ngã ra sàn nhà. Chị T1 đỡ H dậy. Khi ngồi dậy được, H nhìn thấy một con dao nhọn (loại dao gọt hoa quả) ở gần vị trí ngồi uống nước nên cầm lên để tấn công anh H1. Thấy H cầm dao, anh H1 bỏ chạy ra ngoài. Khi anh H1 chạy đến chỗ bậc thềm cách H khoảng 2 đến 3 mét thì H dùng tay phải ném con dao trúng vào vùng thắt lưng anh H1. Anh H1 tiếp tục chạy ra ngoài cổng nên H chạy theo sau. Khi ra đến ngoài cổng, con dao đang cắm trên lưng anh H1 rơi xuống vũng nước nên H nhặt con dao, dùng tay vuốt vết máu đang dính trên lưỡi dao rồi cầm đi vào phía trong nhà anh T2. Khi vào gần đến nhà, chị Vi Thị H2 (vợ anh T2) yêu cầu H đưa con dao cho mình rồi mang vào trong nhà cất giữ. Anh H1 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ.

Ngày 31/8/2025, Lê Văn H đến Công an xã N đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ 01 con dao dài 29 cm có ký hiệu chữ nước ngoài (dạng chữ Trung Quốc), phần lưỡi bằng kim loại màu xám dài 18,7 cm, loại một lưỡi sắc, đầu nhọn, chỗ rộng nhất của lưỡi 4,2 cm, chỗ dày nhất của sống dao 1,6 mm, phần tay cầm bằng nhựa màu nâu dài 10,3 cm.

Tại Bản kết luận giám định số 3644/KL-KTHS ngày 24/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Trên con dao gửi giám định (phần lưỡi dao) có ADN của Phạm Văn H1.

Tại Bản kết luận giám định số 3658/KL-KTHS ngày 25/9/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: vật dài 29 cm gửi giám định là dao sắc, nhọn thuộc Phụ lục 5 “Danh mục dao có tính sát thương cao” ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C.

Theo Bản kết luận giám định số 7160/KL-KTHS ngày 29/9/2025 của V – Bộ C: tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Phạm Văn H1 tại thời điểm giám định là 02%; cơ chế hình thành thương tích là tổn thương vùng thắt lưng hông bên phải do vật sắc nhọn gây ra.

Đối với vật chứng của vụ án là 01 con dao nêu trên, Cơ quan điều tra đã chuyển đến lưu trữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Thanh Hóa để quản lý, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 58/CT-VKS-P1 ngày 15/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo **Lê Văn H** về tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*” quy định tại khoản 1 Điều 304 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo **Lê Văn H**, phạm tội “*Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

- Đề nghị phạt **Lê Văn H** 15 -18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu 01 con dao dài 29 cm có ký hiệu chữ nước ngoài (dạng chữ Trung Quốc), phần lưỡi bằng kim loại màu xám dài 18,7 cm, loại một lưỡi sắc, đầu nhọn, chỗ rộng nhất của lưỡi 4,2 cm, chỗ dày nhất của sống dao 1,6 mm, phần tay cầm bằng nhựa màu nâu dài 10,3 cm giao cho **Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T** xử lý theo quy định.

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh T**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo thấy rằng: Lời khai nhận của bị cáo **Lê Văn H** tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ

án như: biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định ADN trên con dao, kết luận giám định đối với con dao thu giữ và kết luận giám định thương tích. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 14 giờ ngày 30/8/2025, tại nhà anh **Phạm Văn T2** ở **thôn H, xã N, tỉnh Thanh Hóa**, trong quá trình ăn uống giữa bị cáo **Lê Văn H** và **Phạm Văn H1** xảy ra mâu thuẫn. Khi **H1** dùng điều cày đập một cái hướng vào vùng đầu của **H** nhưng **H** tránh được nên chỉ bị trúng vào bả vai phải. Sau đó, **H** cầm một con dao nhọn (loại dao gọt hoa quả) ở gần vị trí ngồi uống nước ném trúng vào vùng thắt lưng của **H1**. Con dao mà bị cáo sử dụng dài 29 cm, là dao sắc, nhọn thuộc Phụ lục 5 “Danh mục dao có tính sát thương cao” ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của **Bộ C**. Hành vi sử dụng con dao nêu trên của bị cáo là hành vi sử dụng trái phép vũ khí thuộc danh mục vũ khí quân dụng theo quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo **Lê Văn H** là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng của Nhà nước. Vì vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo **Lê Văn H** đã phạm vào tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo **Lê Văn H** về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về tính chất mức độ hành vi và hậu quả của vụ án: Đây là vụ án xâm phạm đến chế độ quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng của Nhà nước được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo **Lê Văn H** là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã sử dụng trái phép dao là loại có tính sát thương cao thuộc danh mục do pháp luật quy định. Hành vi này không chỉ xâm phạm đến chế độ quản lý, sử dụng vũ khí của Nhà nước mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong lúc phát sinh mâu thuẫn cá nhân trong quá trình ăn uống, đã dùng dao ném trúng vào người khác làm người này bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 02%. Mặc dù hậu quả thương tích không lớn nhưng hành vi sử dụng dao có tính sát thương cao để giải quyết mâu thuẫn thể hiện sự coi thường pháp luật, tiềm ẩn nguy cơ gây hậu quả nghiêm trọng hơn.

Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nhằm giáo dục riêng đối với bị cáo, đồng thời góp phần răn đe, phòng ngừa tội phạm, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội và bảo đảm sự nghiêm minh của pháp luật.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

- Về nhân thân: Bị cáo **Lê Văn H** có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, bị cáo chưa bị kết án lần nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Lê Văn H** đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú. Ngoài ra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho **Phạm Văn H1** số tiền 12.600.000 đồng để khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **Lê Văn H** không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo **Lê Văn H** là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên cần phải xử lý bằng hình phạt tương xứng nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do đó cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật yên tâm cải tạo sớm trở thành công dân tốt cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, gia đình bị cáo có nhiều khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Xét về dân sự: Bị cáo và nguyên đơn dân sự đã thống nhất thỏa thuận bồi thường và giao nhận đầy đủ. Nguyên đơn dân sự không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[7] Xét về phần vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 con dao dài 29 cm có ký hiệu chữ nước ngoài (dạng chữ Trung Quốc), phần lưỡi bằng kim loại màu xám dài 18,7 cm, loại một lưỡi sắc, đầu nhọn; chỗ rộng nhất của lưỡi 4,2 cm, chỗ dày nhất của sống 1,6 mm, phần tay cầm bằng nhựa màu nâu dài 10,3 cm. Đây là vật bị cáo **Lê Văn H** sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, hiện đã được chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Thanh Hóa quản lý. Xét thấy đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, đang còn giá trị sử dụng nên căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu giao cho **Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T** xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Bị cáo **Lê Văn H** bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 304; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật hình sự;
- Căn cứ vào các Điều 106, 135, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Văn H** phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn H** 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về dân sự: Không xem xét.

Về vật chứng: Tịch thu và giao cho **Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T** xử lý theo quy định: 01 con dao dài 29 cm có ký hiệu chữ nước ngoài (dạng chữ Trung Quốc), phần lưỡi bằng kim loại màu xám dài 18,7 cm, loại một lưỡi sắc, đầu nhọn; chỗ rộng nhất của lưỡi 4,2 cm, chỗ dày nhất của sống 1,6 mm, phần tay cầm bằng nhựa màu nâu dài 10,3 cm. Hiện đang lưu trữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21/01/2026 giữa Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, tỉnh Thanh Hóa và Cơ quan điều tra **Công an tỉnh T**.

Về án phí: Buộc bị cáo **Lê Văn H** phải nộp 200.000đ án phí HS-ST.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt nguyên đơn dân sự. Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án vắng mặt hoặc niêm yết công khai bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND KV10 – Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THA DS Thanh Hóa;
- Bị cáo; Nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Công Tuấn

